

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **154/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/3/2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Khải Văn.
2. Ông Đặng Bích Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 607/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HPT ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Minh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 39/28H Đường A, phường TNP A, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Cao Anh H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 14 Đường A, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Phạm Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh Cao Anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị Phạm Minh T trình bày:*

Chị và anh Cao Anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012, quyển 01/2012, ngày 06/01/2012).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H nhiều lần ngoại tình với những người phụ nữ khác; đam mê cờ bạc, khi uống rượu say xỉn có lần còn đe dọa giết cả 03 mẹ con. Ông H không chăm sóc cho vợ con và lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Gia đình ai bên đã hòa giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh H không thăm nom con và cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm gì đến cuộc sống của chị và các con.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Cao Anh H.

Về con chung: Chị và anh Cao Anh H có 02 con chung tên Cao Phạm Hoài A, sinh ngày 12/02/2013 và Cao Phạm An N, sinh ngày 24/02/2016. Chị Phạm Minh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên. Chị không yêu cầu anh Cao Anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không còn yêu cầu hay vấn đề gì khác.

** Bị đơn là anh Cao Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là chị Phạm Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là anh Cao Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Minh T và ông Cao Anh H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012, quyển số

01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 5 cấp ngày 06/01/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”.

Tuy nhiên bà T trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông bà sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H nhiều lần ngoại tình với những người phụ nữ khác; đam mê cờ bạc, khi uống rượu say xỉn có lần còn đe dọa giết cả 03 mẹ con. Ông H không chăm sóc cho vợ con và lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng hòa thuận nhưng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân ông H không thăm nom con và cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm gì đến cuộc sống của bà và các con. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung là em Cao Phạm Hoài A, sinh ngày 12/02/2013 và em Cao Phạm An N, sinh ngày 24/02/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Cao Anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Cao Anh H dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến cho lời khai và hòa giải nhưng vẫn không đến nên không ghi nhận được ý kiến.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Minh T được ly hôn với ông Cao Anh H.

Về con chung: Giao có 02 con chung là em Cao Phạm Hoài A, sinh ngày 12/02/2013 và em Cao Phạm An N, sinh ngày 24/02/2016 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Cao Anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí do đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Cao Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Cao Anh H là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Minh T và anh Cao Anh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo nguyên đơn là chị Phạm Minh T trình bày vợ chồng bà sống không hạnh phúc do không hòa hợp về tính cách, Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nhiều lần ngoại tình với những người phụ nữ khác; đam mê cờ bạc, khi uống rượu say xỉn có lần còn đe dọa giết cả 03 mẹ con. Anh H không chăm sóc cho vợ con và lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị T đã nhiều lần kHên nhủ anh H thay đổi để hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Do đó, vợ chồng chị T, anh H đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu anh H nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng chị T, anh H tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không hòa giải được. Tại các phiên tòa sơ thẩm, anh H đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh Cao Anh H không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với chị Phạm Minh T.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Về con chung: Chị Phạm Minh T và anh Cao Anh H có 02 con chung tên là Cao Phạm Hoài A, sinh ngày 12/02/2013 và Cao Phạm An N, sinh ngày 24/02/2016. Chị Phạm Minh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh Cao Anh H cấp dưỡng nuôi con.

Theo nguyện vọng của hai con (đã đủ 7 tuổi) là được chung sống với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn cha. Mặt khác, theo chị T trình bày các con do chị chăm sóc từ nhỏ cho đến nay. Hiện nay chị T có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng nuôi hai con chung. Vì vậy, việc chị Phạm Minh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Minh T tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Chị Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Minh T đối với anh Cao Anh H;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Minh T và anh Cao Anh H chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2012, quyền số 01/2012 ngày 06/01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Phạm Minh T và anh Cao Anh H không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Cao Phạm Hoài A, sinh ngày 12/02/2013 và Cao Phạm An N, sinh ngày 24/02/2016 cho đến khi thành niên. Ghi nhận chị Phạm Minh T không yêu cầu anh Cao Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ. Anh Cao Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp anh Cao Anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Minh T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Minh T tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012585 ngày 18/10/2022 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận chị Phạm Minh T đã đóng đủ tiền án phí.

5. Chị Phạm Minh T, anh Cao Anh H có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tú

